

Former Political Prisoners of Communist VietNam Association
HỘI CỤU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in VietNam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có).

1. Name: (Family name, middle, first) HUYNH NGOC TAN
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: M Date of Birth 10/10/1925 Place of birth PUY XUYEN QUANG NAM
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit TRƯỞNG BAN CẢI HUAN, TRUNG TÂM CẢI HUAN BINH DUONG
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 20-4-1975 ẤP TÂN LẬP X. PHÚ CƯỜNG, Q. CHÂU THÀNH, BÌNH DƯƠNG
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: VĨNH PHÚ và HOÀNG LIÊN SƠN
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: THÁNG 10 năm 1980
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: MARRIED
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: VỢ: HUYNH THI LAM 1925
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
CON: HUYNH THI NGOC BIEN F. 1964, HUYNH THI NGOC DUNG F. 1969, HUYNH NGOC HOP
M. 1970, HUYNH NGOC AN M. 1973, HUYNH THI NGOC HANH F. 1975
3. Address of family: 905 LAC LONG QUAN, TỐ 17, PHƯỜNG 11 (MÊU), QUẬN TÂN BÌNH
(Địa chỉ gia đình) THÀNH PHỐ HCM.

D.- APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: HUYNH NGOC TAN Occupation: LÀM CÔNG
(Họ và tên) (Nghề-nghiệp)
2. Address and phone number:
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Relationship with detainee CON RUỘT
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☒ US citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: 31/01/1989
(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684-0635


Signature of applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban

Trại Tân Lập

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

hành, theo công văn số

Số 183 GRT

2565 ngày 21 tháng 11

năm 1972

SỐ HSLĐ 1010113171811151917121

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành ~~theo~~ quyết định thứ số 02 ngày 29 tháng 3 năm 1980

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên

Họ, tên khai sinh Huyền ngọc Tân

Họ, tên thường gọi

Họ, tên họ danh

Sinh ngày tháng năm 1925

Nơi sinh

Dự Myên, Quảng Nam

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

88/2 Tân Lập, Thủ Đức, Thủ Đức I, Sông Bé

Can tội Trùng bị cải huấn

Bị bắt ngày 30-4-73

An phạt TRỢT

Theo quyết định ân văn số ngày tháng năm của

Đã bị tước án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 88/2 Tân Lập, Thủ Đức, Thủ Đức I, Sông Bé

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo tại trại đã có biểu hiện cải tạo
tích cực, trong tuổi già sức khỏe không đảm bảo được ngày càng
sức khỏe của cán bộ giáo, hội qui họ tập chấp hành tốt
chưa có gì sai phạm. Hằng năm xếp loại cải tạo trung bình.

Lên tay ngón trở phải

Họ, tên, chức vụ người được cấp

Ngày 19 tháng 4 năm 19 80

Của Huyền ngọc Tân

Định A 240

Lập tại Đồng Nai

Alan

[Signature]

Huyền ngọc Tân

Thiếu tá: Bùi Văn Chiêu

Lưu nhân

Ông Huỳnh Ngọc Sơn - Có đến

Công bố tại phủ Thủ - Brint diệp ngày

02 Tháng 5 năm 1980

Phủ Thủ ngày 02 Tháng 5 năm 1980

Tm/Ủn đưc phủ Thủ

T/Bau C - L.

Đan phia iglia

Tất. Tâm. Công-Hoà

Chương-Mỹ Bội-Tinh



Chiều. Agbi. Đinh

Số 34CT/ĐQS/ND. Ngày 8 tháng 1 năm 1967

Ông HUỖNH-NGỌC-TÂN

Đã ăn-thưởng đoàn nhì hạng

Chương - Mỹ Bội - Tinh

Tên cấp năm hàng này đợt chấp chiếu.

Chợ, ngày 10 tháng 1 năm 1967.

Signature